

CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VIỆT NAM SỐ 28

BÁO CÁO BỘ PHẬN

*(Ban hành và công bố theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC
ngày 15 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, và
có hiệu lực thi hành từ ngày 23/03/2005)*

NỘI DUNG CHUẨN MỰC

09. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Các nhân tố cần xem xét để xác định sản phẩm và dịch vụ có liên quan hay không, gồm:

- a) Tính chất của hàng hóa và dịch vụ;
- b) Tính chất của quy trình sản xuất;
- c) Kiểu hoặc nhóm khách hàng sử dụng các sản phẩm hoặc dịch vụ;
- d) Phương pháp được sử dụng để phân phối sản phẩm hoặc cung cấp dịch vụ;
- e) Điều kiện của môi trường pháp lý như hoạt động ngân hàng, bảo hiểm hoặc dịch vụ công cộng.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Các nhân tố cần xem xét để xác định bộ phận theo khu vực địa lý, gồm:

- a) Tính tương đồng của các điều kiện kinh tế và chính trị;
- b) Mối quan hệ của những hoạt động trong các khu vực địa lý khác nhau;
- c) Tính tương đồng của hoạt động kinh doanh;
- d) Rủi ro đặc biệt có liên quan đến hoạt động trong một khu vực địa lý cụ thể;
- e) Các quy định về kiểm soát ngoại hối; và
- f) Các rủi ro về tiền tệ.

Một bộ phận cần báo cáo: Là một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên các định nghĩa nêu trên.

10. Một lĩnh vực kinh doanh không bao gồm các sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt đáng kể. Có những điểm không tương đồng với một hoặc một vài nhân tố trong định nghĩa bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh nhưng các sản phẩm, dịch vụ trong một lĩnh vực kinh doanh phải tương đồng với phần lớn các nhân tố.

11. Một khu vực địa lý không bao gồm các hoạt động trong môi trường kinh tế có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt đáng kể. Một khu vực địa lý có thể là một quốc gia, hai hay nhiều quốc gia hoặc một, hai hay nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước.
12. Cách thức tổ chức và quản lý của doanh nghiệp phụ thuộc vào các rủi ro có tác động đáng kể tới doanh nghiệp đó. Đoạn 25 Chuẩn mực này quy định về cơ cấu tổ chức của một doanh nghiệp và hệ thống báo cáo tài chính nội bộ của doanh nghiệp làm cơ sở xác định các bộ phận của doanh nghiệp. Rủi ro và lợi ích kinh tế của doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi khu vực địa lý là vị trí của tài sản, là nơi doanh nghiệp hoạt động (nơi sản xuất sản phẩm hoặc nơi hình thành dịch vụ của doanh nghiệp) và cũng bị ảnh hưởng bởi vị trí của khách hàng (nơi sản phẩm của doanh nghiệp được bán hoặc nơi dịch vụ của doanh nghiệp được cung cấp). Xác định các bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên:
 - a) Vị trí của tài sản là địa điểm sản xuất hoặc hình thành dịch vụ của doanh nghiệp; hoặc
 - b) Vị trí của khách hàng là địa điểm của thị trường và khách hàng của doanh nghiệp.
13. Cơ cấu tổ chức và quản lý của doanh nghiệp là căn cứ để xác định liệu các rủi ro liên quan đến khu vực địa lý phát sinh từ nơi sản xuất hay nơi tiêu thụ sản phẩm. Doanh nghiệp căn cứ vào cơ cấu tổ chức và quản lý hoặc vị trí của tài sản hoặc vị trí của khách hàng để xác định các khu vực địa lý của doanh nghiệp.
14. Việc xác định bộ phận báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý phụ thuộc vào đánh giá của Ban Giám đốc doanh nghiệp. Để thực hiện việc đánh giá này, Ban Giám đốc phải xem xét mục tiêu của việc lập báo cáo tài chính theo bộ phận quy định trong Chuẩn mực này và các chuẩn mực khác.

Định nghĩa doanh thu, chi phí, kết quả, tài sản và nợ phải trả bộ phận

15. Các thuật ngữ dưới đây sử dụng trong Chuẩn mực này được hiểu như sau:

Doanh thu bộ phận: Là doanh thu trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp được tính trực tiếp hoặc phân bổ cho bộ phận, bao gồm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài và doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho bộ phận khác của doanh nghiệp. Doanh thu bộ phận không bao gồm:

- a) Thu nhập khác;
- b) Doanh thu từ tiền lãi hoặc cổ tức, kể cả tiền lãi thu được trên các khoản ứng trước hoặc các khoản tiền cho các bộ phận khác vay, trừ khi hoạt động của bộ phận chủ yếu là hoạt động tài chính; hoặc
- c) Lãi từ việc bán các khoản đầu tư hoặc lãi từ việc xóa nợ trừ khi hoạt động của bộ phận đó chủ yếu là hoạt động tài chính.

Doanh thu của bộ phận bao gồm cả phần lãi hoặc lỗ do đầu tư vào công ty liên kết, công ty liên doanh hoặc các khoản đầu tư tài chính khác được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu khi các khoản doanh thu đó nằm trong doanh thu hợp nhất của tập đoàn.

Chi phí bộ phận: Là chi phí phát sinh từ các hoạt động kinh doanh của bộ phận được tính trực tiếp cho bộ phận đó và phần chi phí của doanh nghiệp được phân bổ cho bộ phận đó, bao gồm cả chi phí bán hàng ra bên ngoài và chi phí có liên quan

đến những giao dịch với bộ phận khác của doanh nghiệp. Chi phí bộ phận không bao gồm:

- a) Chi phí khác;
- b) Chi phí tiền lãi vay, kể cả tiền lãi phải trả phát sinh đối với khoản tiền ứng trước hoặc tiền vay từ các bộ phận khác, trừ khi hoạt động của bộ phận đó chủ yếu là hoạt động tài chính;
- c) Lỗ từ việc bán các khoản đầu tư hoặc lỗ từ việc xoá nợ, trừ khi hoạt động của bộ phận đó chủ yếu là hoạt động tài chính;
- d) Phần sở hữu của doanh nghiệp trong khoản lỗ của bên nhận đầu tư do đầu tư vào các công ty liên kết, công ty liên doanh hoặc các khoản đầu tư tài chính khác được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu;
- e) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp; hoặc
- f) Chi phí hành chính chung và các chi phí khác phát sinh liên quan đến toàn bộ doanh nghiệp. Các chi phí doanh nghiệp chi hộ bộ phận được coi là chi phí bộ phận nếu chi phí đó liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của bộ phận và những chi phí này có thể được tính trực tiếp hoặc phân bổ vào bộ phận đó một cách hợp lý.

Đối với bộ phận có hoạt động kinh doanh chủ yếu là hoạt động tài chính, thì doanh thu và chi phí từ tiền lãi được trình bày trên cơ sở thuần trong báo cáo bộ phận nếu báo cáo tài chính của doanh nghiệp hoặc báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày trên cơ sở thuần.

Kết quả kinh doanh của bộ phận: Là doanh thu bộ phận trừ (-) chi phí bộ phận. Kết quả kinh doanh của bộ phận được xác định trước khi tính đến lợi ích của cổ đông thiểu số.

Tài sản của bộ phận: Là tài sản đang được bộ phận đó sử dụng trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh và được tính trực tiếp hoặc được phân bổ vào bộ phận đó.

Trường hợp kết quả kinh doanh của một bộ phận có thu nhập từ tiền lãi hay cổ tức thì tài sản của bộ phận đó bao gồm cả các khoản phải thu, khoản cho vay, các khoản đầu tư tài chính hoặc tài sản khác tạo ra thu nhập trên.

Tài sản của bộ phận không bao gồm tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Tài sản của bộ phận không bao gồm các khoản dự phòng giảm giá có liên quan do các khoản này được trừ (-) trực tiếp trong Bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp.

Các khoản nợ phải trả bộ phận: Là các khoản nợ trong kinh doanh của bộ phận được tính trực tiếp hoặc phân bổ vào bộ phận đó.

Trường hợp kết quả của bộ phận có chi phí lãi vay thì nợ phải trả của bộ phận cũng bao gồm nợ phải trả chịu lãi có liên quan.

Nợ phải trả bộ phận không bao gồm nợ phải trả thuế hoãn lại.

Chính sách kế toán bộ phận: Là các chính sách kế toán được áp dụng để lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của tập đoàn hoặc doanh nghiệp bao gồm cả chính sách kế toán liên quan đến lập báo cáo bộ phận.

16. Định nghĩa về doanh thu, chi phí, tài sản và nợ phải trả bộ phận bao gồm các khoản mục được tính trực tiếp vào bộ phận và các khoản mục được phân bổ vào bộ phận. Căn cứ vào hệ thống báo cáo tài chính nội bộ của mình, doanh nghiệp xác định các khoản mục được tính trực tiếp hoặc được phân bổ vào bộ phận làm cơ sở xác định doanh thu, chi phí, tài sản và nợ phải trả của bộ phận được báo cáo.
17. Doanh thu, chi phí, tài sản hoặc nợ phải trả của bộ phận không được tính và phân bổ một cách chủ quan mà phải dựa vào định nghĩa về doanh thu, chi phí, tài sản và nợ phải trả bộ phận quy định trong Chuẩn mực này để tính và phân bổ một cách hợp lý.
18. Tài sản của bộ phận gồm: Tài sản lưu động, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, tài sản cố định thuê tài chính dùng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của bộ phận được phân bổ hoặc khấu hao tính vào chi phí của bộ phận thì tài sản đó cũng được tính trong tài sản của bộ phận. Tài sản bộ phận không bao gồm các tài sản được sử dụng chung trong doanh nghiệp hoặc dùng cho trụ sở chính. Tài sản bộ phận còn bao gồm các tài sản sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh chung cho hai hay nhiều bộ phận và được tính trực tiếp hoặc phân bổ cho từng bộ phận, bao gồm cả lợi thế thương mại.
19. Nợ phải trả bộ phận gồm: Khoản phải trả thương mại, khoản phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản ứng trước của khách hàng. Nợ phải trả bộ phận không bao gồm các khoản đi vay, nợ thuê tài chính và nợ phải trả khác cho mục đích tài trợ chứ không phải cho mục đích sản xuất, kinh doanh. Trường hợp chi phí lãi vay tính trong kết quả kinh doanh bộ phận thì nợ phải trả chịu lãi liên quan được tính trong nợ phải trả bộ phận. Nợ phải trả bộ phận mà hoạt động chủ yếu của bộ phận đó không phải là hoạt động tài chính do không bao gồm các khoản vay và các khoản có tính chất vay. Kết quả bộ phận thể hiện lãi, lỗ từ hoạt động kinh doanh chứ không phải từ hoạt động tài chính. Các khoản nợ thông thường do trụ sở chính đi vay không thể tính trực tiếp hoặc phân bổ vào nợ phải trả chịu lãi của bộ phận đó.
20. Việc tính toán, xác định giá trị tài sản và nợ phải trả bộ phận bao gồm cả những điều chỉnh giá trị ghi sổ khi mua tài sản và nợ phải trả bộ phận, khoản điều chỉnh của doanh nghiệp mua trong giao dịch hợp nhất kinh doanh phục vụ cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất mà không được ghi vào báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ hoặc công ty con.
21. Việc phân bổ chi phí đã quy định trong các Chuẩn mực kế toán khác: Chuẩn mực số 02 “Hàng tồn kho” hướng dẫn việc tính và phân bổ chi phí mua vào hàng tồn kho; Chuẩn mực số 15 “Hợp đồng xây dựng” hướng dẫn việc tính và phân bổ chi phí vào các hợp đồng xây dựng. Các hướng dẫn này được sử dụng cho việc tính và phân bổ chi phí vào các bộ phận.
22. Doanh thu, chi phí, tài sản và nợ phải trả bộ phận phải được xác định trước khi loại trừ số dư và các giao dịch nội bộ của quá trình hợp nhất báo cáo tài chính, trừ khi số dư và các giao dịch đó được thực hiện thuộc nhóm doanh nghiệp của bộ phận riêng lẻ.
23. Chính sách kế toán được sử dụng để lập và trình bày báo cáo tài chính của doanh nghiệp cũng là chính sách kế toán cơ bản để lập báo cáo bộ phận. Ngoài ra, chính sách kế toán

để lập báo cáo bộ phận còn bao gồm các chính sách liên quan trực tiếp đến việc lập báo cáo bộ phận, như các nhân tố xác định bộ phận phải báo cáo, phương pháp định giá các giao dịch liên bộ phận, cơ sở phân bổ doanh thu và chi phí vào các bộ phận.

Xác định các bộ phận phải báo cáo

Báo cáo chính yếu và thứ yếu

24. ***Tính chất rủi ro và lợi ích kinh tế của một doanh nghiệp là căn cứ chủ yếu để xác định báo cáo bộ phận chính yếu (báo cáo đối với bộ phận chính yếu) được lập theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý. Nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời của doanh nghiệp bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ mà doanh nghiệp đó sản xuất ra thì báo cáo chính yếu phải căn cứ vào thông tin về lĩnh vực kinh doanh và báo cáo thứ yếu (báo cáo đối với bộ phận thứ yếu) căn cứ vào thông tin về khu vực địa lý. Nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời của doanh nghiệp bị tác động chủ yếu do doanh nghiệp hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau thì báo cáo chính yếu phải căn cứ vào thông tin về khu vực địa lý và báo cáo thứ yếu phải căn cứ vào thông tin về lĩnh vực kinh doanh.***
25. ***Cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ của doanh nghiệp và hệ thống báo cáo tài chính nội bộ cho Ban Giám đốc thường là cơ sở để nhận biết nguồn và tính chất chủ yếu của các rủi ro và các tỷ suất sinh lời khác nhau của doanh nghiệp. Đó là cơ sở để xác định xem báo cáo bộ phận nào là chính yếu và báo cáo bộ phận nào là thứ yếu ngoại trừ các trường hợp quy định dưới đây:***
- a) ***Nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời của doanh nghiệp bị tác động mạnh bởi cả sự khác nhau về sản phẩm và dịch vụ do doanh nghiệp đó sản xuất ra và về khu vực địa lý mà doanh nghiệp này đang hoạt động được chứng minh bởi "phương pháp ma trận" đối với việc quản lý doanh nghiệp và báo cáo nội bộ cho Ban Giám đốc, sau đó doanh nghiệp sử dụng lĩnh vực kinh doanh là báo cáo chính yếu và khu vực địa lý là báo cáo thứ yếu; và***
 - b) ***Nếu cơ cấu tổ chức và quản lý của doanh nghiệp và hệ thống báo cáo tài chính nội bộ cho Ban Giám đốc không dựa trên sự khác nhau về sản phẩm và dịch vụ hoặc về khu vực địa lý thì Ban Giám đốc cần phải quyết định xem liệu các rủi ro và lợi ích kinh tế của doanh nghiệp liên quan nhiều hơn đến sản phẩm và dịch vụ mà doanh nghiệp đó sản xuất ra hay liên quan nhiều hơn đối với các khu vực địa lý mà doanh nghiệp này hoạt động. Kết quả là Ban Giám đốc phải chọn lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý để lập báo cáo bộ phận chính yếu.***
26. Phần lớn các doanh nghiệp căn cứ vào rủi ro và lợi ích kinh tế để xác định cơ cấu tổ chức và quản lý của mình. Cơ cấu tổ chức, quản lý và hệ thống báo cáo tài chính nội bộ cung cấp bằng chứng về khả năng rủi ro và lợi ích kinh tế chủ yếu phục vụ cho mục đích lập báo cáo bộ phận của doanh nghiệp. Doanh nghiệp thường báo cáo thông tin bộ phận trong báo cáo tài chính của mình trên cùng một cơ sở khi lập báo cáo nội bộ lên Ban Giám đốc. Khả năng rủi ro và lợi ích kinh tế trở thành khuôn mẫu xác định báo cáo bộ phận chính yếu hay thứ yếu.
27. Việc trình bày theo "phương pháp ma trận" khi các thông tin về lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý đều được báo cáo theo bộ phận chính yếu và có phần thuyết minh đầy đủ các thông tin cho mỗi cơ sở lập báo cáo. Phương pháp ma trận cung cấp thông tin hữu

ích nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động mạnh bởi cả sự khác biệt về sản phẩm và dịch vụ mà doanh nghiệp sản xuất ra và bởi cả khu vực địa lý mà doanh nghiệp hoạt động.

28. Trong một số trường hợp, cơ cấu tổ chức và báo cáo tài chính nội bộ của doanh nghiệp có thể thiết lập không phụ thuộc vào sự khác biệt về sản phẩm và dịch vụ mà doanh nghiệp sản xuất ra và khu vực địa lý mà doanh nghiệp hoạt động. Ví dụ, báo cáo tài chính nội bộ được thiết lập trên cơ sở các pháp nhân kinh tế mà các pháp nhân này sản xuất ra các sản phẩm và dịch vụ với tỷ suất sinh lời khác nhau. Trường hợp này các thông tin bộ phận của báo cáo tài chính nội bộ sẽ không đáp ứng được mục đích của Chuẩn mực này. Theo đó, đoạn 25(b) yêu cầu Ban Giám đốc doanh nghiệp phải xác định xem liệu rủi ro và lợi ích kinh tế của doanh nghiệp có liên quan nhiều đến lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý làm cơ sở để doanh nghiệp lựa chọn báo cáo bộ phận nào là chính yếu. Mục đích của sự lựa chọn trên là để đạt được mức độ so sánh hợp lý với các doanh nghiệp khác và đáp ứng nhu cầu cung cấp đầy đủ thông tin tài chính cấp thiết cho nhà đầu tư, các chủ nợ và các đối tượng khác khi xem xét về rủi ro và lợi ích kinh tế liên quan đến lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý của doanh nghiệp.

Các lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý

29. ***Các bộ phận được lập theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý của doanh nghiệp dùng để lập báo cáo cho bên ngoài phải là các đơn vị nằm trong cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp đó. Thông tin bộ phận do các đơn vị này lập để giúp Ban Giám đốc đánh giá hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và đưa ra quyết định điều hành và quản lý trong tương lai của doanh nghiệp ngoài trừ các nhân tố được quy định trong đoạn 30.***
30. ***Nếu cơ cấu tổ chức và quản lý của doanh nghiệp và hệ thống báo cáo tài chính nội bộ cho Ban Giám đốc được thiết lập không dựa trên lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý (đoạn 25b) thì Ban Giám đốc phải lựa chọn lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý làm báo cáo chính yếu. Khi đó, Ban Giám đốc phải căn cứ vào các nhân tố theo định nghĩa trong đoạn 09 của Chuẩn mực này chứ không phải căn cứ vào hệ thống báo cáo tài chính nội bộ của doanh nghiệp để xác định lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý phải lập báo cáo bộ phận. Các nhân tố này phải đáp ứng các yêu cầu sau:***
- a) Nếu một hay một số bộ phận được báo cáo là lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý thoả mãn các yêu cầu của đoạn 09 thì không cần phân chia chi tiết hơn để lập báo cáo bộ phận;***
 - b) Đối với các bộ phận không thoả mãn các yêu cầu của đoạn 09, thì Ban Giám đốc doanh nghiệp cần phải xem xét đến việc phân chia các bộ phận chi tiết hơn để báo cáo thông tin theo lĩnh vực kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý phù hợp đoạn 09; và***
 - c) Nếu báo cáo theo bộ phận chi tiết đáp ứng các yêu cầu của đoạn 09 thì đoạn 32 và 33 quy định các căn cứ để xác định các bộ phận chi tiết có thể báo cáo.***
31. Theo Chuẩn mực này, hầu hết các doanh nghiệp sẽ xác định lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý theo đơn vị tổ chức có báo cáo cho Ban Giám đốc để phục vụ cho việc đánh giá hoạt động của mỗi doanh nghiệp và để quyết định phân bổ nguồn lực trong tương lai. Các bộ phận có thể lập báo cáo không theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý, thì doanh nghiệp phải

phân chia bộ phận chi tiết hơn để báo cáo thông tin tài chính về lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Các bộ phận cần báo cáo

32. Hai hay nhiều lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý tương đương có thể được kết hợp thành một lĩnh vực kinh doanh hay một khu vực địa lý. Hai hay nhiều lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý được coi là tương đương khi:

- a) Tương đương về tình hình tài chính;***
- b) Có chung phần lớn các nhân tố quy định trong đoạn 09;***

33. Một lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý cần được xác định là một bộ phận phải báo cáo khi phần lớn doanh thu phát sinh từ bán hàng ra ngoài đồng thời thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tổng Doanh thu của bộ phận từ việc bán hàng ra ngoài và từ giao dịch với các bộ phận khác phải chiếm từ 10% trở lên trên tổng doanh thu của tất cả bộ phận, hoặc***
- b) Kết quả kinh doanh của bộ phận này bất kể lãi (hay lỗ) chiếm từ 10 % trở lên trên tổng lãi (hay lỗ) của tất cả các bộ phận có lãi (hoặc trên tổng lỗ của tất cả các bộ phận lỗ) nếu đại lượng nào có giá trị tuyệt đối lớn hơn, hoặc***
- c) Tài sản của bộ phận chiếm từ 10 % trở lên trên tổng tài sản của tất cả các bộ phận.***

34. Đối với các bộ phận có mức dưới 10% theo quy định trong đoạn 33:

- a) Bộ phận đó có thể báo cáo được mà không tính đến yếu tố quy mô nếu thông tin của bộ phận đó là cần thiết cho người sử dụng báo cáo tài chính;***
- b) Nếu bộ phận đó có thể được kết hợp với các bộ phận tương đương khác ; và***
- c) Nếu các bộ phận còn lại được báo cáo thành một khoản mục riêng.***

35. Nếu tổng doanh thu bán hàng ra ngoài của doanh nghiệp được phân bổ cho các bộ phận có thể được báo cáo thấp hơn 75% tổng số doanh thu của doanh nghiệp hoặc doanh thu của tập đoàn thì phải xác định thêm bộ phận cần báo cáo, kể cả khi bộ phận đó không đáp ứng được tiêu chuẩn 10% trong đoạn 33, cho tới khi đạt được ít nhất 75% tổng số doanh thu của doanh nghiệp hoặc tập đoàn được tính cho các bộ phận báo cáo được.

36. Mức 10% trong Chuẩn mực này không phải là ngưỡng để xác định mức trọng yếu của báo cáo tài chính mà là cơ sở để xác định bộ phận phải báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

37. Việc giới hạn đối với các bộ phận cần báo cáo phần lớn doanh thu từ việc bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài không có nghĩa là các giai đoạn khác nhau của quy trình sản xuất khép kín phải được xác định như là các bộ phận kinh doanh riêng biệt. Một số ngành có thể lập báo cáo bộ phận cho các hoạt động trong quy trình sản xuất khép kín như là các bộ phận kinh doanh riêng biệt mặc dù các bộ phận này không tạo ra doanh thu từ việc bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài. Ví dụ, Tổng Công ty dầu khí có thể lập báo cáo bộ phận cho các hoạt động khai thác và sản xuất, hoạt động lọc dầu và bán hàng là hai bộ phận kinh doanh riêng biệt cho dù hầu hết hay toàn bộ các sản phẩm khai thác dầu thô được chuyển giao cho bộ phận lọc dầu của doanh nghiệp.